

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/3/2021

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương và Ông Nguyễn Đức Tường
Thoại.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Quang, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toàán nhân dân thành phố Huế xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 636/2020/TLST- HNGĐ ngày
14 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST
ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 43 kiệt 30 Lịch Đ, phường phường Đ, thành phố Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Lê Quang T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 43 kiệt 30 Lịch Đ, phường phường Đ, thành phố Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 11 năm 2020 và các lời khai cũng như tại
phiên tòa, nguyên đơn Chị Lê Thị L trình bày: Chị L và anh Lê Quang T sau một thời
gian tìm hiểu thì đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhân dân phường KL, thành phố Huế vào ngày 29/7/2014. Quá trình chung sống, vợ
chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2020 bắt đầu xảy ra mâu
thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên ghen
tuông vô cớ và đã có hành vi đánh đập chị L phải nhập viện. Từ đó, do không thể
chung sống cùng anh T nên chị L đã về nhà ba mẹ mình sống cho đến nay và chỉ lên
về nhà anh T để chăm sóc các con. Kể từ khi sống ly thân, vợ chồng không còn gặp
nhau, quan tâm hay chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ
chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không
còn quan tâm gì đến nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với
anh T.

Về con chung: Chị Lê Thị L khai có 02 con chung là cháu Lê Quốc Anh T,
sinh ngày 20/4/2015 và cháu Lê Quốc Anh M, sinh ngày 12/8/2016; Hiện nay cháu Lê

Quốc Anh T đang chung sống với chị L còn cháu Lê Quốc Anh M đang sống chung với anh T. Nếu ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quốc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 còn anh T trực tiếp nuôi cháu Lê Quốc Anh M, sinh ngày 12/8/2016 đến khi trưởng thành. Hai bên không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – anh Lê Quang T: Về quá trình tìm hiểu và kết hôn đúng như chị L trình bày và về mâu thuẫn gia đình thì vợ tôi đã ngoại tình với người khác nên tôi không tha thứ được, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Quốc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 và cháu Lê Quốc Anh M, sinh ngày 12/8/2016, hiện nay tôi đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M nếu ly hôn tôi muốn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho Chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Quang T.

+ Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Quang T có hai con chung là Lê Quốc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 và cháu Lê Quốc Anh M, sinh ngày 12/8/2016. Giao Lê Quốc Anh M, sinh ngày 12/8/2016 cho Anh T và giao cháu Lê Quốc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: L và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Buộc Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa Chị Lê Thị L và anh Lê Quang T đều trú tại: số 43 kiệt 30 Lịch Đ, phường phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2014 tại Ủy ban nhân dân phường KL, thành phố Huế theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T nghi ngờ chị L không chung thủy. Do không thể chung sống cùng nhau nên chị L đã về nhà ba mẹ mình sống cho đến nay. Kể từ khi sống ly thân cho đến nay, vợ

chồng chị L không gặp nhau, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, tình cảm của chị L đối với anh T cũng không còn nên chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân, tình trạng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của Chị Lê Thị L là chính đáng nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Quang T có hai con chung là cháu Lê Quốc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 và cháu Lê Quốc Anh M, sinh ngày 12/8/2016. Xét hiện nay chị L và anh T ai cũng thương con và muốn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Chị L có công việc và nguồn thu nhập ổn định còn anh T làm lao động tự do, anh T muốn nuôi cả hai cháu nhưng xét thấy thu nhập của anh không ổn định việc nuôi cả hai cháu sẽ không thể đảm bảo cho các cháu. Tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý nuôi cháu M và giao cháu T cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu thì cần giao mỗi người nuôi một cháu, chị L nuôi cháu T còn anh T nuôi cháu M vì hiện nay cháu T đang sống với chị L và cháu M đang sống với anh T. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Do chị L và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Quang T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Lê Quốc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 cho Chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Giao cháu Lê Quốc Anh M, sinh ngày 12/8/2016 cho anh Lê Quang T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Lê Thị L và anh Lê Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002066 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường KL, Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng